TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH** Bản án số: 26/2022/DS-PT Ngày: 26/8/2022 *V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

Các Thẩm phán: Ông Vũ Duy Luân

Bà Lương Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình *tham gia phiên tòa:* Bà Nhâm Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", do có kháng cáo đối với bản án số 06/2002/DS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Thái Văn Đ, sinh năm 1982

Người đại diện theo ủy quyền của anh Thái Văn Đ: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1961 là mẹ đẻ anh Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đều ở địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn:

1. Ông Thái Quang V (tên gọi khác Thái Văn V, Thái Quang V), sinh năm 1958

2. Bà Thái Thị H, sinh năm 1962 (là vợ ông V)

Đều ở địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Thái Quang V và bà Thái Thị H: Công ty luật TNHH MTV SLC, địa chỉ trụ sở: BT16A3-12 Làng V, khu đô thị mới M, phường M, quận H, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Luật sư Phạm Hồng S, chức vụ Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền của ông V và bà H: Ông Trần Văn V1 là chuyên viên của công ty luật. (ông V1 có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị P, sinh năm 1985 (là vợ anh Đ)

2. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1961

Đều ở địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

3. Bà Thái Thị L, sinh năm 1956; (em gái bố đẻ anh Đ)

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

4. Bà Thái Thị B, sinh năm 1962; (em gái bố đẻ anh Đ)

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

5. Ông Thái Văn L, sinh năm 1969; (là chú ruột anh Đ)

6. Bà Thái Thị T, sinh năm 1969; (là vợ ông L)

7. Anh Thái Văn Đ, sinh năm 1985;(là em trai anh Đ)

8. Chị Đặng Thị T, sinh năm 1993;(là vợ anh Đ)

9. Chị Thái Thị T, sinh năm 1990; (là em gái anh Đ)

10. Ông Thái Văn Đ, sinh năm 1947;(là anh trai ông V)

Đều ở địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

11. Bà Thái Thị C, sinh năm 1954;(là chị gái ông V)

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

12. Bà Thái Thị C, sinh năm 1957;(là chị gái ông V)

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

13. Ông Thái Văn T, sinh năm 1951;(là anh trai ông V)

Địa chỉ: Số nhà 11, ngõ 297, tổ 6, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

14. Chị Ngô Thị N, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Tổ dân phố X- K, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

15. Anh Ngô Văn T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

16. Chị Ngô Thị K, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị P, chị Thái Thị T, anh Thái Văn Đ: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1961, Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Những người làm chứng:

1. Ông Phạm Văn X, sinh năm 1964;

2. Ông Trần Huy P, sinh năm 1971;

Đều ở địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

3. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1983;

4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989

Đều ở địa chỉ: Tổ dân phố X- K, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Người kháng cáo: Ông Thái Quang V, bà Thái Thị H, Công ty Luật TNHH MTV SLC.

(Nguyên đơn, bị đơn, người ủy quyền của bị đơn, người liên quan, người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

1. Quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Bùi Thị T trình bày:

Bố mẹ chồng bà T là cụ Thái Văn K chết năm 2018 và cụ Nguyễn Thị T chết năm 2015, đều không để lại di chúc. Hai cụ không có người con riêng hay con nuôi nào khác, mà chỉ có 04 người con chung gồm ông Thái Văn N là chồng bà (chết năm 2010), bà Thái Thị L, bà Thái Thị B và ông Thái Văn L. Di sản của hai cụ là thửa đất ao ở thôn V nay là tổ dân phố (viết tắt là TDP) V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình theo tờ bản đồ 299 năm 1986 là thửa 523, tờ bản đồ số 5 có diện tích 360 m^2.

Năm 1987, hai cụ định đoạt diện tích đất ao làm 2 phần, 1 phần cho vợ chồng bà và 1 phần còn lại cho vợ chồng ông Thái Văn L và bà Thái Thị T (là em trai và em dâu chồng bà). Năm 2006, vợ chồng bà định đoạt cho con trai là anh Thái Văn Đ và con dâu là chị Trần Thị P phần diện tích đất ao mà vợ chồng bà được cho, có vị trí: Phía Đông một phần giáp ranh diện tích đất nhà ông T, không có tranh chấp, một phần giáp ranh diện tích đất của gia đình ông V, bà H (đang tranh chấp); Phía Bắc giáp đường làng; Phía Tây giáp ngõ đi vào nhà cụ Thái Văn K (hiện nay ông L và bà T đang sử dụng) và ông Thái Văn L; Phía Nam giáp ao nhà ông L đang sử dụng.

Năm 2003 gia đình ông V và bà H có làm móng trình xỉ vôi xuống diện tích đất ao của gia đình bà, phần phía Nam (giáp diện tích đất ao ông L đang sử dụng chiều rộng là 0,20 mét, phần phía Bắc chiều rộng là 0,80 mét, kéo dài hết diện tích đất nhà ông V đến đoạn giáp đất ông H. Việc lấn đất này đã được UBND thị trấn Hưng Nhân lập biên bản xác định gia đình ông V và bà H lấn chiếm diện tích đất ao của gia đình bà từ 5 m2 đến 6 m2 và yêu cầu gia đình ông V dừng việc xây dựng trái phép nói trên nên gia đình ông V không làm nữa.

Năm 2014, bà cùng hai con trai và con dâu thống nhất vợ chồng anh Đ, P sẽ ở cùng bà trên diện tích đất ở trong làng còn vợ chồng anh Đ, chị T sẽ sử dụng diện tích đất mà bà và ông N đã cho vợ chồng anh Đ, chị P. Việc tặng cho giữa hai cụ với vợ chồng bà và giữa vợ chồng bà với vợ chồng anh Đ, chị P, anh Đ, chị T chưa qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình sử dụng đất, anh Đ, chị P, ông L và bà T không chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng, tặng cho ai diện tích đất nào.

Đến năm 2019 anh Q là con trai ông V thuê thợ tiếp tục xây tường trên phần móng xỉ vôi đã trình xỉ trước đó lấn sang phần diện tích đất ao của vợ chồng anh Đ. Việc lấn này, đã được UBND thị trấn Hưng Nhân hòa giải nhiều lần nhưng gia đình ông V không trả phần diện tích ao đất đã lấn chiếm. Năm 2021, anh Đ đã yêu cầu gia đình ông V trả lại phần diện tích đã lấn chiếm nhưng không thành.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình:

1. Buộc ông Thái Quang V và bà Thái Thị H phải trả lại cho anh Thái Văn Đ và chị Trần Thị P diện tích đất đã lấn chiếm lấy mốc từ điểm bức tường xây của gia đình ông T kéo thẳng đến điểm đầu tường công trình phụ của gia đình ông H và điểm ranh giới là đoạn thẳng dài 7,87 mét (từ điểm 11 đến điểm A theo sơ đồ hiện trạng ngày 14/01/2022 do Tòa án đo đạc);

2. Buộc ông V và bà H phải tháo dỡ một phần bức tường đã xây lấn sang diện đất của vợ chồng anh Đ, chị P (hiện bức tường này không còn nguyên hiện trạng như gia đình ông V xây ban đầu, bị nghiêng sang phía thửa đất của gia đình anh Đ và chị P) và xác định ranh giới, mốc giới quyền sử dụng đất của anh Đ và chị P với ông V và bà H là phần diện tích đất mà gia đình ông V và bà H đã lấn.

3. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu phản tố của ông V vì hành vi của anh Đ đã được UBND thị trấn Hưng Nhân ra quyết định xử phạt hành chính và Công an thị trấn Hưng Nhân đã giải quyết nên không liên quan đến vụ án dân sự này. Bà, anh Đ, chị P và chị T không trực tiếp và không chỉ đạo ai hủy hoại bức tường do nhà ông V và bà H xây dựng. Anh Thái Văn Q là con trai ông V bà H là người thuê thợ và trực tiếp xây bức tường trên diện tích đang có tranh chấp trên nên đề nghị Tòa án đưa anh Thái Văn Q là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Bà nhất trí với sơ đồ hiện trạng, kết quả định giá tài sản do Tòa án thẩm định, định giá ngày 14/01/2022. Bà không nhất trí với phương án hòa giải Luật sư của bị đơn là ranh giới quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh Đ, chị P với gia đình ông V, bà H từ điểm 11 đến điểm B theo sơ đồ hiện trạng do Tòa án đo đạc thẩm định ngày 14/01/2022 với điều kiện nguyên đơn phải xây trả lại cho bị đơn bức tường trên phần ranh giới từ điểm 11 đến điểm B theo sơ đồ hiện trạng trên.

2. Quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Thái Văn Đ trình bày:

Anh nhất trí với trình bày của bà T. Anh xác định diện tích đất đang có tranh chấp giữa vợ chồng anh với ông V và bà H theo đo đạc hiện trạng năm 2007 ghi tên anh và chị P là do bố mẹ anh và ông bà nội anh định đoạt cho, đến thời điểm này vẫn là của anh và chị P.

3. Quá trình tố tụng, ông Lê Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Thái Quang V và bà Thái Thị H trình bày:

Cụ Thái Văn K và cụ Trần Thị K là bố mẹ đẻ ông Thái Văn V có diện tích đất ao trên 600 m^2 ở thôn V, thị trấn H, nay là TDP V, thị trấn H, hai cụ đã chuyển nhượng một phần diện tích đất ao cho ông Nguyễn Văn T vào năm 1982. Đến năm 1986, hai cụ cho vợ chồng ông V và bà Thái Thị H diện tích đất 570 m^2 còn lại. Sau đó vợ chồng ông V và bà H vượt lập xây nhà và sinh sống trên diện tích đất này và hàng năm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước. Theo bản đồ 299 năm 1986 thửa đất trên có diện tích là 570 m^2, có vị trí: Phía Bắc giáp với diện tích đất của gia đình ông T, phía Đông giáp đường Quốc lộ 39A, phía Tây giáp với diện tích đất ao của gia đình ông K, phía Nam giáp với diện tích đất gia đình bà N (hiện nay vợ chồng ông H đang sử dụng).

Hai cụ đã định đoạt cho ông V và bà H diện tích đất trên không có văn bản giấy tờ gì nhưng đã được các anh chị em ông V thống nhất bằng văn bản phân chia thừa kế năm 2016. Theo số liệu đo đạc tại bản đồ năm 1986 với đo đạc năm 2007 thì diện tích đất của gia đình ông V bà H chỉ còn 412,6 m^2 (thiếu 157,4 m^2). Quá trình sử dụng, ông V và bà H không chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng, tặng cho ai diện tích đất nào, năm 2018 làm đường Quốc lộ 39A, gia đình ông V được đền bù giải phóng mặt bằng là 21,8 m^2. Tại lời khai của anh Đ khai rằng chỉ biết cụ Khá phân chia cho bố mẹ anh một phần và vợ chồng ông L một phần diện tích đất ao, phần của bố mẹ anh đã cho vợ chồng anh còn cụ thể mỗi người bao nhiêu m^2 anh cũng không rõ. Còn bức tường do gia đình ông V xây đang có tranh chấp được gia đình ông V kè móng trước đó nên không có cơ sở cho rằng gia đình ông V xây tường lấn sang diện tích đất mà anh Đ chị P được cho như anh Đ trình bày. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ về xác định mốc giới, ranh giới đất, tháo dỡ bức tường vì bức tường đã bị anh Đ là em trai anh Đ - người trực tiếp đã phá bức tường vào ngày 01/5/2021 bằng máy xúc múc vào phần móng tường dẫn đến bức tường bị đổ một phần vào ngày 12/5/2021. Hành vi của anh Đ thực hiện ngày 01/5/2021 bị UBND thị trấn Hưng Nhân ra quyết định xử phạt hành chính. Hành vi của anh Đ thực hiện vào ngày 12/5/2021, Công an thị trấn Hưng Nhân có thông báo trả lời ông V nhưng gia đình ông V đang có đơn kiếu nại đến Công an huyện Hưng Hà để đề nghị giải quyết nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu này của anh Đ.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của ông V, yêu cầu Tòa án buộc anh Đ, chị P, bà T, anh Đ, chị T phải xây lại bức tường cho gia đình ông V bà H tại vị trí cũ và buộc phải bồi thường cho gia đình ông V và bà H số tiền là 10.000.000 đồng.

Nếu hai bên nguyên đơn và bị đơn hòa giải được với nhau thì ông chấp nhận ranh giới quyền sử dụng đất giữa gia đình anh Đ và chị P với gia đình ông V và bà H từ điểm 11 đến điểm B theo sơ đồ hiện trạng do Tòa án thẩm định và định giá ngày 14/01/2022 với điều kiện anh Đ và chị P phải xây trả lại cho ông V và bà H bức tường trên phần ranh giới đã được phân định từ điểm 11 đến điểm B theo sơ đồ hiện trạng nói trên.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

4.1. Anh Thái Văn Đ trình bày: Vào năm 2014, mẹ anh là bà T, vợ chồng anh và vợ chồng anh Đ thống nhất để vợ chồng anh sử dụng diện tích đất (năm 2007 ghi tên người sử dụng anh Đ và chị P) còn anh Đ, chị P ở cùng mẹ anh ở thửa đất trong làng. Anh xác định gia đình bị đơn đã xây bức tường lấn đất của anh. Năm 2021, anh chuẩn bị xây nhà nên anh đã sang nói vợ chồng ông V phải tháo dỡ bức tường để trả lại diện tích đất nhưng bị đơn không thực hiện nên ngày 01/5/2021, anh phá một phần bức tường của gia đình ông V đã xây lấn kể trên và bị UBND thị trấn Hưng Nhân ra quyết định xử lý vi phạm hành chính. Ngày 12/5/2021 anh thuê máy xúc múc đất chỗ sát bức tường do gia đình ông V

xây làm đổ một phần bức tường, sự việc này đã được Công an thị trấn Hưng Nhân giải quyết.

Anh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án không chập nhận yêu cầu của bị đơn đối với anh, nếu bị đơn yêu cầu anh Đ phải bồi thường anh đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp xong vụ án này mới giải quyết yêu cầu bồi thường của ông V hoặc Tòa án tách ra giải quyết yêu cầu này ở vụ án khác.

4.2. Bà Thái Thị L và bà Thái Thị B trình bày: Về nguồn gốc đất của bố mẹ các bà là cụ K và cụ T cũng như việc tặng cho đất của hai cụ cho các con là vợ chồng ông N, bà T và vợ chồng ông T, bà L, sau này vợ chồng cháu Đ, P được bố mẹ đẻ tặng cho lại diện tích, tứ cận như nguyên đơn trình bày là đúng. Những lần tặng cho bằng miệng, không có văn bản giấy tờ và các bà không có tranh chấp gì việc cụ K cụ T đã tặng cho đất trên. Các bà xác định bị đơn đã xây lấn đất và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi ích cho anh Đ và chị P.

4.3. Ông Thái Văn L trình bày: Việc trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc đất của cụ K cụ T, về huyết thống, về việc hai cụ định đoạt đất ao cho các con về diện tích đất trong đó vợ chồng ông đang sử dụng 1 phần là do hai cụ tặng cho, tứ cận theo mốc thời gian và chưa thông qua cơ quan có thẩm quyền là đúng. Theo ông ranh giới quyền sử dụng đất giữa diện tích đất ao mà bố mẹ ông để lại với diện tích đất ao của gia đình ông V là bờ ao của gia đình ông. Năm 2003, gia đình ông V đã xây lấn và trình xỉ vôi xuống bờ ao và ao của gia đình ông, tiếp theo đó là xây tường trên phần móng đã trình xỉ trong đó có đoạn lấn đất vợ chồng cháu Đ P, phần ranh giới đất của gia đình ông thì ông xác định có phần mi cửa của công trình là làm đua ra diện tích đất ao của gia đình ông, ông đề nghị Tòa án giải quyết sau. Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn.

3.4. Bà Thái Thị T trình bày: Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án. Bà không trình bày quan điểm về việc Tòa án đang giải quyết vụ án tranh chấp giữa anh Đ với ông V và bà H, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình tố tụng.

3.5. Chị Đặng Thị T trình bày: Chị là vợ anh Đ, chị xác định về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, diện tích, tứ cận đất có ranh giới đang tranh chấp với bị đơn như nguyên đơn trình bày là đúng. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Việc anh Đ đập một phần bức tường do gia đình bị đơn xây dẫn đến đổ một phần bức tường là do một mình anh Đ làm, chị không bàn bạc hay giúp sức gì.

3.6. Ông Thái Văn Đ trình bày: Ông nhất trí với bị đơn về việc trình bày nguồn gốc đất bị đơn được bố mẹ đẻ ông là cụ K và cụ K tặng cho không có văn bản, ông không có tranh chấp gì việc tặng cho của của bố mẹ ông, quá trình sử

dụng đất của bị đơn với diện tích, tứ cận như bị đơn trình bày là đúng. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong suốt quá trình tố tụng.

3.7. Ông Thái Văn T trình bày: Ông nhất trí với bị đơn về việc trình bày nguồn gốc đất của bị đơn đang sử dụng là của bố mẹ đẻ ông - cụ K và cụ K. Anh em ông đều đồng ý tại biên bản phân chia thừa kế để lại cho gia đình em trai ông là ông V và bà H. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và giải quyết theo quy định pháp luật.

3.8. Bà Thái Thị C trình bày: Bà nhất trí với bị đơn về việc trình bày nguồn gốc đất của bị đơn đang sử dụng là của bố mẹ đẻ bà - cụ K và cụ K. Anh chị em bà đều thống nhất tại biên bản phân chia thừa kế để lại cho gia đình em trai bà là ông V và bà H. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và giải quyết theo quy định pháp luật.

3.9. Chị Ngô Thị N trình bày: Cụ K và cụ K là cụ ngoại chị đã sinh mẹ đẻ chị là bà Thái Thị C, bố chị là ông Ngô Thế D, cả hai đều đã chết. Nguồn gốc diện tích đất mà ông V và bà H đang sử dụng và có tranh chấp do hai cụ ngoại định đoạt cho ông V và bà H, chị em chị không có tranh chấp gì về đất này. Đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho ông V và xét xử vắng mặt chị trong suốt quá trình tố tụng.

5. Người làm chứng trình bày:

5.1. Ông Phạm Văn X trình bày: Khoảng 8 giờ sáng ngày 01/5/2021, tại ranh giới đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn ông thấy anh Thái Văn Đ con bà T đã đập bức tường do gia đình ông V xây giáp với diện tích đất của gia đình ông T 01 mét, Công an thị trấn Hưng Nhân xuống giải quyết. Vào ngày 12/5/2021, ông thấy hai gia đình cãi nhau, ông nhìn thấy anh Đ chỉ đạo người lái máy xúc múc phần móng của bức tường gia đình ông V tại ranh giới giữa đất của gia đình ông V với đất anh Đ đang làm. Ông khuyên anh Đ dừng lại nhưng anh Đ không nghe và nói " Đất của em, em cứ làm". Ông xác định anh Đ thực hiện các hành vi trên, ngoài ra không có ai khác.

5.2. Ông Trần Huy P trình bày: Khoảng 8 giờ sáng ngày 01/5/2021, ông chứng kiến anh Thái Văn Đ đập phần bức tường do gia đình ông V xây giáp với đất của gia đình ông T, sau đó Công an thị trấn Hưng Nhân xuống giải quyết, ông thấy đồng chí Công an cầm chiếc búa mà anh Đ dùng để đập tường. Vào ngày 12/5/2021, ông chứng kiến anh Đ chỉ đạo người xúc máy múc phần móng của bức tường gia đình ông V xây. Chỉ có anh Đ thực hiện các hành vi trên, không có ai khác.

5.3. Anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn V trình bày: Khoảng 8 giờ sáng ngày 12-5-2021, các anh thấy anh Thái Văn Đ chỉ đạo máy xúc múc phần móng của bức tường do gia đình ông V xây giáp với đất nhà ông T dẫn đến đổ một phần bức tường. Chỉ có anh Đ thực hiện hành vi trên.

Bản án số 06/2002/DS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ các Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự; Các Điều 95, 170, 203 Luật đất đai; Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thái Văn Đ. Xác định bức tường do gia đình ông Thái Quang V và bà Thái Thị H đã xây dài 5,19 mét lấn sang phần diện tích đất của anh Thái Văn Đ và chị Trần Thị P. Buộc ông Thái Quang V và bà Thái Thị H phải tháo dỡ bức tường đã xây trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng đất của anh Thái Văn Đ và chị Trần Thị P để trả lại diện tích đất cho anh Đ và chị P.

2. Ranh giới quyền sử dụng đất về phía Đông thửa đất ở số 218 tờ bản đồ địa chính số 6 (đo đạc năm 2007) tại TDP V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình ghi tên người sử dụng anh Thái Văn Đ và chị Trần Thị P giáp với phía Tây thửa đất ở và đất lâu năm khác thửa số 220 tờ bản đồ địa chính số 6 (đo đạc năm 2007) tại TDP V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình ghi tên người sử dụng ông Thái Văn V và bà Thái Thị H từ điểm 11 đến điểm A theo sơ đồ hiện trạng do Tòa án đo đạc được xác định là đoạn thẳng dài 7,87 mét (có sơ đồ cụ thể kèm theo).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Thái Quang V yêu cầu Tòa án buộc anh Thái Văn Đ phải bồi thường cho gia đình ông Thái Quang V số tiền 10.000.000 đồng thiệt hại do tài sản bị xâm phạm và phải xây dựng hoàn trả lại bức tường cho gia đình ông V.

Ngoài ra, phần quyết định của bản án còn tuyên về việc đăng ký quyền sử dụng đất, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo…

Ngày 05/5/2022, ông Thái Quang V, bà Thái Thị H, người đại diện theo ủy quyền của ông V và bà H - Công ty luật TNHH MTV SLC kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố và bổ sung yêu cầu phản tố tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn gửi trong thời hạn kháng cáo hợp lệ, quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được đưa ra xem xét tại phiên tòa phúc thẩm.

Ông Trần Văn V là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/8/2022, nguyên đơn, bị đơn và những người liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 vì vậy áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về nguồn gốc diện tích đất đang có tranh chấp, mốc giới ranh giới biến động đất qua các thời kỳ thì thấy:

[2.2] Xét nguồn gốc đất của gia đình anh Thái Văn Đ và chị Trần Thị P: Theo bản đồ 299 và sổ mục kê năm 1986, thửa số 523, tờ bản đồ địa chính số 5, loại đất ao, diện tích là 360 m^2 tại Tổ dân phố V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình ghi tên người sử dụng là cụ Thái Văn K (đã chết) là ông nội anh Đ. Theo đo đạc năm 2007, diện tích đất trên đã tách thành 02 thửa: thửa số 218, tờ bản đồ số 6, diện tích là 154,2 m^2, loại đất ở ghi tên người sử dụng anh Đ và chị P và thửa số 217, tờ bản đồ số 6, diện tích là 218,1m^2, loại đất thủy sản ngọt (đất ao) ghi tên người sử dụng cụ Thái Văn K và cụ Nguyễn Thị T (hiện cụ K và cụ T đã chết, ông Thái Văn L và bà Thái Thị T là con dâu và con trai cụ K đang sử dụng).

[2.3] Xét nguồn gốc đất của gia đình ông Thái Văn V và bà Thái Thị H: Theo bản đồ 299 và sổ mục kê năm 1986, thửa số 524, tờ bản đồ địa chính số 5, loại đất ao, diện tích là 570 m^2 tại Tổ dân phố V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình ghi tên người sử dụng là cụ Thái Văn K (đã chết). Theo đo đạc năm 2007, thửa số 220, tờ bản đồ số 6, diện tích là 412,6 m^2 gồm loại đất ở và đất lâu năm khác (lúc này đã được vượt lập thành thổ, không còn ao nữa) ghi tên người sử dụng ông V và bà H.

[2.4] Xét về quá trình sử dụng diện tích đất đang có tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét về thời điểm ai đang quản lý sử dụng, tăng giảm diện tích đất, các sự kiện xảy ra tính từ 1986 đến nay thì thấy:

1. Về ranh giới đất giữa hai thửa đất của nguyên đơn và bị đơn đã được xác định theo bản đồ 299 và sổ mục kê 1986 thể hiện hộ cụ K và hộ cụ K không có tranh chấp gì cho đến năm 2003 bởi vì các đương sự đều thừa nhận được bố

mẹ đẻ là các cụ định đoạt tặng cho trong dòng họ, không có việc chuyển nhượng cho người ngoài.

2. Ranh giới đất ổn định cho đến năm 2003 thì xảy ra tranh chấp vì ông V đã trình xỉ, xây móng, xây bức tường tại ranh giới đất mà anh Đ đang sử dụng. Việc tranh chấp đã được UBND thị trấn Hưng Nhân xác định *"Khi gia đình ông V trình móng, gia đình cụ K đã làm đơn đề nghị UBND thị trấn Hưng Nhân giải quyết, UBND thị trấn Hưng Nhân cùng với các ban ngành đoàn thể về đo đạc và xác nhận việc gia đình ông V trình xỉ là làm lấn sang diện tích đất ao của gia đình cụ K, chỗ rộng nhất 0,8 m, chỗ hẹp nhất 0,2 m, diện tích lấn sang đất ao ông K khoảng 5 đến 6 m^2. UBND thị trấn Hưng Nhân đã yêu cầu gia đình ông V dừng việc xây dựng lại còn phần móng gia đình ông V đã chót làm thì giữ nguyên hiện trạng, nếu hai bên có xây dựng thì phải báo cáo sự việc với UBND thị trấn để UBND thị trấn xác định ranh giới giữa hai gia đình"*. Tại buổi làm việc ông V trình bày: "*Gia đình ông đã chót trình móng xuống ao hộ bà K nên gia đình đề nghị giữ nguyên hiện trạng, không được cơi nới thêm. Nếu gia đình xây tường bao sẽ kéo thẳng mốc từ nhà hố xí ông H đến điểm tường bao đầu nhà ông T. Trước khi ông V xây phải báo cáo chính quyền cơ sở để chỉ mốc để xây…"* Như vậy ông V đã thừa nhận sự việc xây lấn và chấp hành dừng việc xây lấn vào năm 2003 và diện tích lấn được chính quyền xác định từ 5 m2 đến 6m2.

3. Theo biên bản đo đạc hiện trạng năm 2007 ghi nhận tên chủ sử dụng thực tế thửa đất 218,diện tích 154,2m2 đất ở do đã lấp ao là anh Đ, chị P. Đối với thửa đất liền kề thửa số 220, diện tích 412,6m2 là đất ở và cây lâu năm khác vì đã lấp ao ghi tên ông V, bà H. Đối chiếu với bản đồ 299 thì diện tích đất của cụ K đã chuyển nhượng 1 phần cho ông T, diện tích còn lại do ông V bà H sử dụng. Quá trình sử dụng đất ông V đã khởi kiện đòi lại một phần đất giáp đất ông T vì cho rằng ông T đã lấn đất ông và Tòa án hai cấp của tỉnh Thái Bình đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện trên của ông V.

4. Chính quyền địa phương đã trả lời diện tích tăng giảm của hai thửa đất mà nguyên đơn và bị đơn tranh chấp bởi các lý do việc đo đạc qua các năm có sai số, thứ 2 đất của bố bị đơn đã chuyển nhượng 1 phần cho ông T vào năm 1986; thứ 3 vào năm 2018, Nhà nước quy hoạch làm đường Quốc lộ 39A, gia đình ông V bị thu hồi diện tích đất ở là 21,8 m^2.

Căn cứ sơ đồ đo đạc hiện trạng của Công ty TNHH tài nguyên và môi trường Thái Bình ngày 14/01/2022 xác định diện tích đất thửa đất đang tranh chấp của anh Đ, chị P là 154,8 m^2. xác định đất của gia đình ông V và bà H là 406,5 m^2 và diện tích đất ao là 186,2 m^2. Các đương sự đều nhất trí kết quả đo đạc này về ranh giới mốc giới do chính các đương sự chỉ mốc giới để đơn vị đo đạc thực hiện.

[2.5] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn với các nội dung: yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng và

không khách quan và bác toàn bộ yêu cầu chấp nhận cho bị đơn và người địa diện theo ủy quyền về việc phản tố, trước phiên tòa và tại phiên tòa sơ thẩm thì thấy:

[2.5.1] Các đương sự là bà T, anh Đ, chị P, ông L, bà T, ông V, bà H đều xác nhận không chuyển nhượng, không nhận chuyển nhượng, tặng cho phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của mình cho ai. Như vậy, tính thời thời điểm năm 1986, đất thuộc quyền sử dụng của hai cụ K, cụ T và đất thuộc quyền sử dụng của bố mẹ đẻ bị đơn đều tặng cho chính con đẻ của các cụ, sau đó lại tặng cho con cháu trong gia đình. Không có việc chuyển nhượng cho người ngoài nào khác là không có tranh chấp về ranh giới đất giữa hai thửa đất trên. Riêng đất cụ K đã chuyển nhượng cho ông T thể hiện vào năm 1986 nhưng ranh giới mốc giới của hai thửa đất của ông T và ông V đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

Cho đến năm 2003 có tranh chấp về ranh giới đất giữa bà T và vợ chồng ông V, bà H. Sự việc trên thể hiện tại biên bản xác minh của Tòa án với UBND thị trấn Hưng Nhân như đã viện dẫn ở trên và có căn cứ xác định ông V đã xây lấn sang đất của anh Đ diện tích lấn từ 5m2 đến 6m2 là có căn cứ.

Chính quyền địa phương cung cấp: Đến năm 2019, gia đình ông V tiếp tục xây dựng bức tường bao trên phần diện tích móng đã trình xỉ, không báo cáo UBND thị trấn Hưng Nhân, thời điểm này gia đình bà T có báo cáo với UBND thị trấn, UBND thị trấn có yêu cầu gia đình ông V dừng việc xây dựng nhưng gia đình ông V không dừng và tiếp tục xây dựng bức tường cho đến khi hoàn thiện".

Tại buổi thẩm định xem xét tại chỗ ngày 14/01/2022 của Tòa án, ông V và anh Đ thống nhất chỉ mốc đo đạc hiện trạng điểm cố định là từ bức tường xây nhà ông T (điểm 11 theo sơ đồ hiện trạng do Tòa án xem xét thẩm định) và sau đó, tại phiên tòa sơ thẩm ông V, bà H và ông T xác nhận ranh giới quyền sử dụng đất giữa gia đình ông V và gia đình anh Đ là đoạn thẳng kéo từ bức tường của gia đình ông T xây đến điểm đầu của bức tường công trình phụ của gia đình ông H phù hợp với các điểm mốc theo anh Đ chỉ từ điểm 11 đến điểm B là một đường thẳng và ranh giới anh Đ yêu cầu Tòa án xác định là từ điểm 11 đến điểm A và đoạn giao nhau của bức tường do gia đình anh xây từ điểm D đến điểm A có chiều dài là đoạn thẳng kéo dài 7,87 mét (từ điểm 11 đến điểm A theo sơ đồ hiện trạng do Tòa án đo đạc).

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông V, bà H phải tháo dỡ bức tường do gia đình ông V đã xây dựng trên phần diện tích đã lấn của gia đình anh Đ chị P là đúng quy định pháp luật và không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu hủy án và bác đơn khởi kiện của bị đơn.

[2.5.2] Đối với yêu cầu phản tố của ông V, bà H:

Tại lời khai của ông V thể hiện: "*Ngày 01/5/2021, anh Đ là người trực tiếp đã phá bức tường và anh Đ là người thuê, chỉ đạo máy xúc múc vào phần móng tường dẫn đến bức tường của gia đình ông bị đổ một phần vào ngày 12/5/2021. Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/3/2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Thái Văn Đ khai: Ngày 01/5/2021, anh có dùng búa phá một phần bức tường của gia đình ông V xây giáp ranh với diện tích đất của bố mẹ anh đã cho anh Đ và chị P. Ngày 12/5/2021, anh có thuê máy xúc múc phần diện tích đất trên diện tích đất ghi tên anh Đ và chị P (phần sát với bức tường do gia đình ông V xây) làm đổ một phần bức tường*"

Xét thấy, anh Đ là người có hành vi phá dỡ bức tường, không chịu sự sai khiến hay xúi giục từ anh Đ, không liên quan đến anh Đ. Do đó, ông V yêu cầu anh Đ phải bồi thường cho gia đình ông V số tiền 10.000.000 đồng thiệt hại do tài sản bị xâm phạm và phải xây dựng hoàn trả lại bức tường cho gia đình ông V nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố này là có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông V, bà H yêu cầu chị P, bà T, anh Đ và chị T phải bồi thường cho gia đình ông V số tiền 10.000.000 đồng thiệt hại do tài sản bị xâm phạm và phải xây dựng hoàn trả lại bức tường cho gia đình ông V. Tòa án cấp sơ thẩm thấy việc bổ sung yêu cầu phản tố của bị đơn vượt quá phạm vi yêu cầu phản tố ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên không chấp nhận việc bổ sung yêu cầu phản tố này của bị đơn là đúng pháp luật.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người đại diện theo ủy của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Thái Quang V (tên gọi khác Thái Văn V, Thái Quang V), bà Thái Thị H, Công ty Luật TNHH MTV SLC. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2002/DS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ các Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự; Các Điều 95, 170, 203 Luật đất đai; Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thái Văn Đ. Xác định bức tường do gia đình ông Thái Quang V và bà Thái Thị H đã xây dài 5,19

mét lấn sang phần diện tích đất của anh Thái Văn Đ và chị Trần Thị P. Buộc ông Thái Quang V và bà Thái Thị H phải tháo dỡ bức tường đã xây trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng đất của anh Thái Văn Đ và chị Trần Thị P để trả lại diện tích đất cho anh Đ và chị P.

1.2. Ranh giới quyền sử dụng đất về phía Đông thửa đất ở số 218 tờ bản đồ địa chính số 6 (đo đạc năm 2007) tại TDP V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình ghi tên người sử dụng anh Thái Văn Đ và chị Trần Thị P giáp với phía Tây thửa đất ở và đất lâu năm khác thửa số 220 tờ bản đồ địa chính số 6 (đo đạc năm 2007) tại TDP V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình ghi tên người sử dụng ông Thái Văn V và bà Thái Thị H từ điểm 11 đến điểm A theo sơ đồ hiện trạng do Tòa án đo đạc được xác định là đoạn thẳng dài 7,87 mét (có sơ đồ cụ thể kèm theo).

1.3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Thái Quang V (tên gọi khác Thái Văn V, Thái Quang V), yêu cầu Tòa án buộc anh Thái Văn Đ phải bồi thường cho gia đình ông Thái Quang V số tiền 10.000.000 đồng thiệt hại do tài sản bị xâm phạm và phải xây dựng hoàn trả lại bức tường cho gia đình ông V.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Thái Quang V (tên gọi khác Thái Văn V, Thái Quang V), bà Thái Thị H, Công ty Luật TNHH MTV SLC phải nộp án phí phúc thẩm. Chuyển số tiền Công ty Luật TNHH MTV SLC đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai số 0003692 ngày 11/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục THA huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Hưng Nhân huyện Hưng Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Hằng